

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 183/2024/DS - PT  
Ngày 18 - 9 - 2024  
“V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Võ Thị Phương

**Các Thẩm phán:**

Ông Võ Thái Sơn

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Minh Nhựt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Bà Phùng Bích Tuyền  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2024/TLPT – DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2024/DS - ST, ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 196/2024/QĐPT - DS ngày 15 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 177/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Hoàng N, sinh năm 1963.

Địa chỉ: số A, đường N, khu phố L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1970.  
(Có mặt)

Địa chỉ: Số I, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022.

- *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số I, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Trần Hoàng Lưu . (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số I, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

3. Bà Trần Thị B.

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

4. Ông Trần Văn Đ.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

5. Bà Trần Thị S.

Địa chỉ: Khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. (Vắng mặt)

6. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ: Quốc lộ F, khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

*Người đại diện hợp pháp*: Ông Lê Vũ K. Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. Văn bản ủy quyền số: 11/GUQ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2023. (Vắng mặt)

*Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Trần Hoàng N.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:*

Trước năm 1995 cha, mẹ của ông Trần Hoàng N là cụ ông Trần Văn Q và cụ bà Đỗ Thị B1 có tiến hành chia đất cho các con gồm: ông Trần Hoàng L1, ông Trần Hoàng N, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị L mỗi người một phần đất để sinh sống. Riêng ông N được cụ Q và cụ B1 cho phần đất diện tích khoảng 600m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 81, tờ bản đồ số 78, đất tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Việc tặng cho đất nêu trên cụ Q cụ B1 chỉ nói bằng miệng, không có lập thành văn bản. Đến năm 1995 cụ Q bệnh chết, cụ B1 là người thừa kế tiếp tục cùng các con quản lý, canh tác trên đất.

Đến năm 1999 cụ B1 tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, thì được

Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đối với toàn bộ phần đất mà cụ B1, cụ Q tạo lập trong đó bao gồm luôn phần đất cụ B1, cụ Q đã tặng cho ông Trần Hoàng L1, ông Trần Hoàng N, ông Trần Văn Đ và bà Trần Thị L trước đây. Do là chỗ mẹ con nên ông N và các anh, chị, em trong gia đình không phản đối việc bà B1 đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến năm 2007 cụ B1 làm thủ tục tặng cho toàn bộ phần đất do cụ B1 đứng tên cho bị đơn bà Trần Thị H. Sau khi được tặng cho thì bà H không tách thửa đất lại cho các anh, chị, em trong gia đình. Do đó các anh, em của ông N đã lần lượt khởi kiện bà H để yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất.

Tại Bản án số 133/2014/DS-ST ngày 23/7/2014 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh đã công nhận cho ông Trần Văn Đ được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 414,5m<sup>2</sup>.

Tại Bản án số 161/2017/DS-ST ngày 25/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh đã công nhận cho bà Trần Thị L được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 418,2m<sup>2</sup>.

Tại Bản án số 183/2017/DS-ST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh đã công nhận cho ông Trần Hoàng L1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.059m<sup>2</sup>.

*Ông Trần Hoàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Công nhận phần đất hiện hữu còn lại tại thửa 81, tờ bản đồ số 78 tọa lạc tại khu vực 5, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang cho ông Trần Hoàng N được quyền sử dụng theo sự phân chia của cụ Q và cụ B1 khi còn sống (do quá trình thi hành án cho ông Trần Văn Đ, phần đất tại thửa đất số 81 không còn đủ 600m<sup>2</sup>).

*Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Văn Đ trình bày ý kiến thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:*

Ông Trần Văn Đ yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận cho ông Trần Hoàng N được quyền sử dụng phần đất tranh chấp có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN, thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 78, địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 99 – 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1.

Lý do ông Trần Văn Đ yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Trần Hoàng N được quyền sử dụng đối với phần đất này, là do trước đây vào những năm 1995 ông N được mẹ ruột là cụ Đỗ Thị B1 (đã chết) nói miệng cho đất. Từ lúc được cho đất đến nay ông N không có cất nhà trên đất, cũng như không có sử dụng phần đất này. Bởi phần đất này trước đây là đất lung, biền lá nên không thể cất nhà. Hoàn cảnh ông N hiện tại khó khăn, phải bỏ quê đi làm ăn xa nhiều năm. Nay ông N có nhu cầu sử dụng đất, nên yêu cầu bà H trả lại đất cho ông N sử dụng.

*Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Trần Thị H trình bày:*

Phần đất tranh chấp này mẹ bà H là cụ Đỗ Thị B1 (hiện đã chết) không có cho ông Trần Hoàng N như ông Trần Văn Đ trình bày. Việc ông N khởi kiện bà H để yêu cầu được công nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu bà H trả lại phần đất tranh chấp bà H không đồng ý.

Phần đất tranh chấp có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 99 – 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1 hiện tại thuộc thửa đất mới số 133 (thửa đất cũ là 81).

Toàn bộ thửa đất 81 trước đây có nguồn gốc là của cụ Đỗ Thị B1. Năm 2015 thì cụ B1 sang tên cho bà H toàn bộ thửa đất này. Sau đó 02 anh ruột của bà H là ông Trần Hoàng L1 và ông Trần Văn Đ có khởi kiện bà H để tranh chấp quyền sử dụng một phần đối thửa đất số 81. Kết quả Tòa án giải quyết đã công nhận cho ông Đ và ông L1 mỗi người được quyền sử dụng một phần thửa đất số 81 theo Bản án.

Sau khi các bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân thành phố V đã thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H đối với thửa đất số 81 để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông L1 và ông Đ theo quyết định của các bản án. Phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 81 theo quyết định thu hồi thì bà H được quyền kê khai, đăng ký lại nhưng bà H chưa thực hiện.

Bà Trần Thị H có ý kiến phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án công nhận cho bà H được quyền sử dụng toàn bộ phần đất tranh chấp nêu trên.

*Tại Văn bản tường trình 04/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Hoàng L1 trình bày: Yêu cầu Tòa án xét xử vụ án đúng theo quy định pháp luật.*

*Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày:*

Theo quan điểm của bà Trần Thị L thì ông Trần Hoàng N khởi kiện là đúng. Theo bà L được biết thì phần đất tranh chấp này trước đây mẹ bà L là cụ Đỗ Thị B1 đã nói miệng cho ông Trần Hoàng N. Do phần đất được cho là đất lung nên từ trước đến nay ông N không sử dụng được. Việc bà B1 sang tên thừa đất số 81 cho bà Trần Thị H thì các anh, chị, em trong gia đình không hay biết. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết công nhận đất tranh chấp cho ông N được quyền sử dụng.

*Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày: Việc ông Trần Hoàng N khởi kiện bà Trần Thị H là không đúng. Vì phần đất tranh chấp trước đây mẹ bà B là cụ Đỗ Thị B1 đã chuyển cho bà Trần Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B đề nghị Tòa án xét xử vụ án đúng theo quy định pháp luật.*

*Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 23/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị S trình bày: Việc ông Trần Hoàng N khởi kiện bà Trần Thị H là không đúng. Vì phần đất tranh chấp trước đây mẹ bà S là cụ Đỗ Thị B1 đã chuyển cho bà Trần Thị H đứng tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B đề nghị Tòa án xét xử vụ án đúng theo quy định pháp luật.*

*Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố V là ông Lê Vũ K trình bày:*

Phần đất tranh chấp có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, thuộc một phần thửa đất 133, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 99 – 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1 có số thửa đất cũ là 81.

Thửa đất số 81 trước đây có nguồn gốc của cụ Đỗ Thị B1. Năm 2015 thì cụ B1 đã sang tên toàn bộ phần đất này cho bà Trần Thị H. Ủy ban nhân dân thành phố V đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 287207 cho bà Trần Thị H.

Sau đó, bà H có tranh chấp quyền sử dụng đất với các anh, em trong gia đình đối với một phần thửa đất số 81. Kết quả giải quyết Tòa án đã công nhận một phần thửa đất số 81 cho các anh, em của bà H. Căn cứ các bản án này thì năm 2018 Ủy

ban nhân dân thành phố đã có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 287207 của bà Trần Thị H để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo các bản án của Tòa án. Phần diện tích đất còn lại của thửa 81 ngoài diện tích được công nhận theo bản án thì bà H được lập thủ tục đăng ký quyền sử dụng đất lại, nhưng đến nay bà H chưa đăng ký.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân thành phố V là phần đất tranh chấp giữa các đương sự thuộc trường hợp được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc tranh chấp đất giữa ông N và bà H đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Tại Bản án sơ thẩm số 91/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Hoàng N. Công nhận cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN, thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 78, địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 99 – 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1 và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất. Có mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án.

Về chi phí tố tụng: ông Trần Hoàng N phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản tranh chấp. Ông Trần Hoàng N đã nộp xong.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn ông Trần Hoàng N kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 91/2024/DS-ST ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang. Ông yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp yêu cầu khởi kiện của ông, công nhận phần đất hiện hữu tại thửa số 81, Tờ bản đồ số 78 (nay là thửa 133-TBĐ số 78 theo mảnh trích địa chính số 99-2023) có diện tích 339,1 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khu V, phường C, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa nhận định từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhận định: Diện tích 339,1m<sup>2</sup> loại đất CLN có nguồn gốc của cụ Đỗ Thị B1 và cụ Trần Văn Q tạo lập. Năm 2015 cụ B1 chuyển tên quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Trần Thị H. Nguyên đơn ông Trần Hoàng N chưa từng canh tác, quản lý, sử dụng phần đất tranh chấp và không thực hiện việc đăng ký, kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất. Do đó, nguyên đơn ông Trần Hoàng N khởi kiện không có cơ sở, căn cứ pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hoàng N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về tố tụng

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng N khởi kiện bị đơn bà Trần Thị H, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 339,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN do bị đơn đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đúng theo quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Trần Thị H có địa chỉ cư trú tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về thủ tục kháng cáo

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn ông Trần Hoàng N có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung

Nguyên đơn Trần Hoàng N kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế 339,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN tại thửa số 81, tờ bản đồ số 78 (nay là thửa số 133-TBĐ số 78 theo mảnh trích địa chính số 99-2023) tọa lạc tại khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang.

Hội đồng xét xử, xét thấy:

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án thì phần đất tranh chấp giữa các đương sự có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, hiện trạng là đất trống, không có bất cứ công trình xây dựng nào tồn tại trên đất (theo mảnh trích đo địa chính số 99 -2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1).

*Về nguồn gốc đất:* Phần đất tranh chấp giữa các đương sự có nguồn gốc là của cụ ông Trần Văn Q và cụ bà Đỗ Thị B1 (hiện đã chết) tạo lập lúc còn sống. Từ trước năm 1995 do cụ Q và cụ B1 trực tiếp canh tác quản lý, sử dụng, được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1999. Đến năm 2015 cụ B1 chuyển quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Trần Thị H và từ đó bà H trực tiếp canh tác quản lý, sử dụng đất cho đến nay. Như vậy, từ khi cụ B1 quản lý, canh tác đất đến chuyển tên quyền sử dụng đất cho bị đơn bà Trần Thị H, chưa có khoảng thời gian nào nguyên đơn ông Trần Hoàng N trực tiếp canh tác phần đất tranh chấp. Mặt khác, nguyên đơn cho rằng được mẹ là cụ B1 tặng cho quyền sử dụng đất, nhưng nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của cụ B1. Do đó, đối chiếu với quy định tại các điều 99, 100 của Luật Đất đai năm 2013 thì yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hoàng N là không có cơ sở để chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hoàng N là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hoàng N; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang.



[4] Về án phí

Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Tuy nhiên, nguyên đơn thuộc trường hợp người cao tuổi, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Hoàng N.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Hoàng N. Công nhận cho bà Trần Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 339,1m<sup>2</sup>, loại đất CLN, thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ số 78, địa chỉ: khu V, phường I, thành phố V, tỉnh Hậu Giang, thể hiện tại mảnh trích đo địa chính số 99 – 2023 của Công ty TNHH Một thành viên Đ1 – Chi nhánh H1 và được sở hữu toàn bộ cây trồng trên đất. Có mảnh trích đo địa chính kèm theo bản án.

2. Về chi phí tố tụng: ông Trần Hoàng N phải chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng), ông Trần Hoàng N đã thực hiện xong.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Hoàng N. Hoàn trả lại cho ông Trần Hoàng N 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001798 ngày 12/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang.

Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho nguyên đơn ông Trần Hoàng N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND thành phố Vị Thanh;
- Chi cục THADS thành phố Vị Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Phượng**